

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

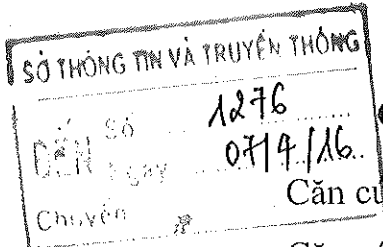
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 472 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 31 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Bắc Giang
đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36 - NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006;

Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 09/TTr-STTTT, ngày 16/3/2016; Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 126/BC-SKHĐT ngày 24 /3/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 với các nội dung chủ yếu sau:

I. Quan điểm phát triển

Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cải cách hành chính; triển khai đồng bộ, nâng cao tính hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành, tạo môi trường minh bạch, hiện đại, góp phần nâng cao năng lực sức cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin là một công cụ hữu hiệu tạo lập phương thức phát triển mới; là một trong những động lực quan trọng của sự phát triển kinh tế tri thức, xã hội thông tin, góp phần quan trọng vào thực hiện phát triển kinh tế xã hội nhanh, bền vững, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh.

Đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực, có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ với kết cấu hạ tầng đô thị, đáp ứng yêu cầu về quản lý và khai thác có hiệu quả về con người, tài chính và hạ tầng thiết yếu. Ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống chính trị và quản lý nhà nước, xây dựng Chính quyền điện tử, đặc biệt trong các lĩnh vực liên quan tới doanh nghiệp và người dân.

Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin làm tiền đề hỗ trợ các ngành công nghiệp khác phát triển. Ưu tiên phát triển công nghiệp phần mềm và dịch vụ công nghệ thông tin, góp phần quan trọng vào tăng cường năng lực công nghệ của tỉnh cũng như cả nước. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn với thu hút đầu tư từ các tập đoàn công nghiệp công nghệ thông tin trong và ngoài nước.

II. Mục tiêu phát triển đến năm 2020

1. Mục tiêu tổng quát

Ứng dụng công nghệ thông tin sâu rộng trong hoạt động của các cơ quan Đảng và nhà nước, cơ bản xây dựng thành công Chính quyền điện tử, công dân điện tử, giáo dục điện tử, y tế điện tử, doanh nghiệp điện tử, giao dịch và thương mại điện tử.

Đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính và trong các lĩnh vực liên

quan tới doanh nghiệp, người dân; công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan nhà nước. Xếp hạng ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh ở mức độ khá trong cả nước về chỉ số sẵn sàng phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin.

Hạ tầng công nghệ thông tin cơ bản hoàn thiện, nguồn nhân lực công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ đáp ứng nhu cầu trong tình hình mới. Công nghiệp và dịch vụ công nghệ thông tin của tỉnh phát triển, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu GRDP của tỉnh.

Đến năm 2030, tỉnh Bắc Giang trở thành một trong những tỉnh, thành phố phát triển về Chính quyền điện tử, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin mạnh trong tất cả các ngành, lĩnh vực. Đưa năng lực nghiên cứu, ứng dụng, phát triển sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin của tỉnh đạt mức độ khá trong toàn quốc.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Hạ tầng công nghệ thông tin

Hầu hết cán bộ công chức trong cơ quan nhà nước (đến cấp xã) được trang bị máy tính; 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã được kết nối cáp quang băng rộng, tốc độ cao đến mạng WAN của tỉnh.

Bảo đảm các điều kiện về kỹ thuật cho trên 90% các cuộc họp của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh với các đơn vị trực thuộc được thực hiện trên môi trường mạng.

2.2. Ứng dụng công nghệ thông tin

* Xây dựng Chính quyền điện tử

100% các văn bản, tài liệu không mật trình Ủy ban nhân dân tỉnh của các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử; trên 80% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản gửi song song cùng văn bản giấy); trên 80% văn bản của các cơ quan nhà nước được ứng dụng chữ ký số (bao gồm cả các văn bản gửi song song cùng văn bản giấy).

Trên 90% các cuộc họp trực tuyến giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Ủy ban nhân dân cấp huyện, giữa các cơ quan cấp tỉnh với cấp huyện và các đơn vị cấp xã được thực hiện trực tuyến trên môi trường mạng; 100% cán bộ, công chức cơ quan nhà nước sử dụng hộp thư điện tử trong công việc.

Cổng dịch vụ công của tỉnh được hình thành, cung cấp khoảng 55% dịch vụ công cơ bản mức độ 3 và khoảng 30% dịch vụ công mức độ 4 phục vụ người dân và doanh nghiệp.

* Xây dựng và phát triển doanh nghiệp điện tử, thương mại điện tử

Trên 30% doanh nghiệp có trang thông tin điện tử, cập nhật định kỳ thông tin hoạt động và quảng bá sản phẩm.

Trên 60% doanh nghiệp tham gia các website thương mại điện tử để mua bán các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ; trên 50% doanh nghiệp sử dụng dịch vụ chữ ký số khi tham gia giao dịch điện tử.

Trên 90% hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp được nộp qua mạng; trên 90% số doanh nghiệp thực hiện nộp thuế qua mạng.

Trên 50% số hộ, cá nhân kinh doanh kê khai nghĩa vụ thuế phát sinh qua mạng từ việc cho thuê tài sản và lệ phí trước bạ khi đăng ký ô tô, xe máy.

Trên 90% cơ quan, tổ chức thực hiện giao dịch điện tử trong việc thực hiện thủ tục tham gia bảo hiểm xã hội.

Trên 40% số lượng các gói thầu chào hàng cạnh tranh, trên 30% số lượng gói thầu quy mô nhỏ đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng.

Tỷ lệ cấp đăng ký doanh nghiệp qua mạng đạt khoảng 20%; tỷ lệ cấp giấy chứng nhận đầu tư qua mạng đạt khoảng 10%.

* Xây dựng và phát triển công dân điện tử

Trên 70% dân số sử dụng các trang thiết bị kết nối Internet (máy tính xách tay, máy tính bảng, thiết bị cá nhân, điện thoại thông minh...) khai thác dịch vụ công. Hầu hết học sinh trung học cơ sở có thể sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin và khai thác Internet. Trên 80% cán bộ y tế được phổ cập sử dụng tin học.

2.3. Công nghiệp và dịch vụ công nghệ thông tin

Tổng giá trị sản xuất công nghiệp và dịch vụ công nghệ thông tin đến năm 2020 đạt khoảng 53.000 tỷ đồng; đóng góp khoảng 31% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 – 2020 đạt khoảng 27%/năm. Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ công nghệ thông tin đóng góp vào GRDP đạt khoảng 4,1%.

2.4. Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin

100% lãnh đạo sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã được đào tạo kiến thức, kỹ năng khai thác sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin. 100% sở, ban, ngành, huyện có lãnh đạo phụ trách công nghệ thông tin.

100% các sở, ban, ngành, huyện có cán bộ phụ trách công nghệ thông tin có trình độ cao đẳng hoặc tương đương trở lên. Hầu hết cán bộ, công chức, viên chức sử dụng thành thạo máy tính và các ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc.

Trên 85% các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin và trên 60% các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực khác có cán bộ phụ trách công nghệ thông tin và cán bộ lãnh đạo công nghệ thông tin.

Trên 80% nhân viên tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin và trong các lĩnh vực khác biết sử dụng máy tính và các ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc.

2.5. Hoàn thiện cơ chế chính sách

Hoàn thiện các cơ chế, chính sách về thúc đẩy và hỗ trợ phát triển Chính quyền điện tử. Có chính sách ưu đãi, khuyến khích thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao làm việc trong cơ quan nhà nước; thu hút các nhà đầu tư đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin. Xây dựng quy trình trong việc sử dụng các ứng dụng dùng chung và chuyên ngành, đảm bảo các quy trình tác nghiệp được thực hiện hiệu quả.

III. Định hướng đến năm 2030

1. Hạ tầng công nghệ thông tin

Tiếp tục duy trì, hoàn thiện hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo bảo 100% các cơ quan nhà nước của tỉnh được kết nối với mạng diện rộng, đường truyền tốc độ cao. Duy trì vận hành Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh đảm bảo các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và các phần mềm dùng chung của tỉnh hoạt động ổn định, an toàn, an ninh thông tin.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin

Trên 95% các văn bản, tài liệu của các cơ quan nhà nước các cấp (trừ các văn bản mật) được trao đổi trên môi trường mạng và có ứng dụng chữ ký số.

Trên 95% các cuộc họp trực tuyến giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Ủy ban nhân dân cấp huyện, giữa các cơ quan cấp tỉnh với cấp huyện và các đơn vị cấp xã được thực hiện trực tuyến trên môi trường mạng.

Cung cấp được 100% dịch vụ công cơ bản mức độ 3 và khoảng 55% dịch vụ công mức độ 4 phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Trên 70% doanh nghiệp có trang thông tin điện tử, cập nhật định kỳ thông tin hoạt động, quảng bá sản phẩm; trên 85% doanh nghiệp tham gia các website thương mại điện tử để mua bán các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ; trên 80% doanh nghiệp sử dụng dịch vụ chữ ký số khi tham gia giao dịch điện tử.

Trên 95% số doanh nghiệp thực hiện nộp thuế qua mạng. Trên 75% số hộ, cá nhân kinh doanh kê khai nghĩa vụ thuế phát sinh qua mạng từ việc cho thuê tài sản và lệ phí trước bạ khi đăng ký ô tô, xe máy.

Trên 95% cơ quan, tổ chức thực hiện giao dịch điện tử trong việc thực hiện thủ tục tham gia bảo hiểm xã hội.

Trên 70% số lượng các gói thầu chào hàng cạnh tranh, trên 65% số lượng các gói thầu quy mô nhỏ đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng.

Tỷ lệ cấp đăng ký doanh nghiệp qua mạng đạt khoảng 40%; tỷ lệ cấp giấy chứng nhận đầu tư qua mạng đạt khoảng 30%.

Trên 85% dân số sử dụng các trang thiết bị kết nối Internet (máy tính xách tay, máy tính bảng, thiết bị cá nhân, điện thoại thông minh...) khai thác dịch vụ công. Trên 90% cán bộ y tế được phổ cập sử dụng tin học.

3. Công nghiệp và dịch vụ công nghệ thông tin

Tổng giá trị sản xuất công nghiệp và dịch vụ công nghệ thông tin đến năm 2030 đạt khoảng 592.300 tỷ đồng; đóng góp khoảng 40% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 – 2030 đạt khoảng 27,3%/năm. Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ công nghệ thông tin đóng góp vào GRDP đạt khoảng 7,4%.

4. Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin

Tiếp tục đào tạo, cập nhật kiến thức đảm bảo hầu hết lãnh đạo, cán bộ công chức, viên chức của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã được đào tạo kiến thức và các kỹ năng khai thác sử dụng thành thạo ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc.

Trên 95% các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin và trên 80% các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực khác có cán bộ phụ trách công nghệ thông tin và cán bộ lãnh đạo công nghệ thông tin.

Trên 90% nhân viên tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin và trong các lĩnh vực khác biết sử dụng máy tính và các ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc.

IV. Nội dung quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Bắc Giang đến năm 2020

1. Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Giang

Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin theo hướng hiện đại, đồng bộ, đảm bảo khả năng kết nối liên thông giữa các cấp ngành từ Trung ương đến địa phương.

Xây dựng các ứng dụng tập trung hóa, ưu tiên hoàn thiện 6 cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; cung cấp được khoảng 55% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và khoảng 30% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và các cổng thành viên của các đơn vị sở, ban, ngành, huyện. Trong đó, ưu tiên triển khai trên các lĩnh vực: Xây dựng, đất đai, du lịch, giáo dục, y tế, môi trường, đầu tư, dân cư, nông - lâm nghiệp, thủy sản, xuất nhập cảnh, bảo hiểm xã hội, giao thông, lao động thương binh và xã hội, tư pháp, khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông.

2. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin

Triển khai kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng tại các cơ quan Đảng và Nhà nước. Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

Ưu tiên đầu tư các trang thiết bị đo kiểm, thiết bị đánh giá mức độ an ninh bảo mật cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu và các hệ thống thông tin của tỉnh.

Phát triển mạng viễn thông, thực hiện nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Nhà nước. Xây dựng mạng chuyên dùng của tỉnh Bắc Giang, thực hiện nâng cấp Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh; tiếp tục triển khai hệ thống chữ ký số và chứng thực chữ ký số. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin trong các đơn vị giáo dục đào tạo và y tế.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin

3.1. Trong cơ quan Đảng

Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào sử dụng các hệ thống thông tin điện tử của các cơ quan Đảng tỉnh Bắc Giang. Đến năm 2020, hầu hết các giao dịch giữa các cơ quan Đảng được thực hiện trên môi trường mạng máy tính. Khoảng 90% văn bản, tài liệu chính thức (theo quy định, trừ các văn bản, tài liệu mật) trao đổi giữa các cơ quan Đảng ở Văn phòng Tỉnh ủy và các đơn vị trực thuộc được gửi/nhận dưới dạng văn bản điện tử và được xác thực điện tử. Hoàn thiện và mở rộng các hệ thống thông tin. Tận dụng cơ sở hạ tầng thông tin, đẩy mạnh triển khai ứng dụng sâu rộng xuống các cơ quan Đảng cấp xã, phường.

3.2. Trong cơ quan nhà nước

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã tại các địa phương; Từng bước triển khai các hệ thống thông tin về dân cư, đất đai - xây dựng, doanh nghiệp... Xây dựng hệ thống điện tử thông suốt, kết nối và liên thông văn bản điện tử, dữ liệu điện tử từ Chính phủ đến tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Xây dựng, triển khai các ứng dụng, tác nghiệp dùng chung, hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến; xây dựng mới, nâng cấp và hoàn thiện các hệ thống thông tin phục vụ các hoạt động tác nghiệp chuyên ngành và cung cấp dịch vụ công. Tối ưu hóa chức năng phục vụ, quy trình tác nghiệp G2G và G2C, trọng tâm thuộc các ngành, lĩnh vực: tài nguyên - môi trường, giáo dục và đào tạo, y tế, giao thông, xây dựng, nông nghiệp, văn hóa - du lịch, lao động - thương binh - xã hội, công thương, tư pháp, khoa học - công nghệ, thông tin - truyền thông, nội vụ, kế hoạch và đầu tư.

Xây dựng cổng dịch vụ công của tỉnh trên cơ sở hình thành từ các hệ thống thông tin về thủ tục hành chính, dân cư, đất đai - xây dựng và doanh nghiệp; tích hợp các dịch vụ công của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã để cấp phép, thực hiện các thủ tục liên quan đến người dân, doanh nghiệp.

Đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật về kết nối, tích hợp dữ liệu và truy cập thông tin; đảm bảo yêu cầu về an toàn, bảo mật, sao lưu, phục hồi dữ liệu; đáp ứng nhu cầu trao đổi, giao tiếp, khai thác thông tin của người dân và doanh nghiệp.

3.3. Trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ

Phát triển công nghệ thông tin trong khối doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực quản lý và sản xuất, tạo lợi thế cạnh tranh trong môi trường kinh doanh hiện đại, tạo nên ưu thế về giá, sự khác biệt phù hợp với chiến lược cạnh tranh của từng doanh nghiệp.

Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đảm bảo ứng dụng điều hành và quản lý phục vụ sản xuất và kinh doanh bao gồm máy tính, máy chủ, máy in, mạng LAN, WAN, Internet, hệ thống Website của công ty để triển khai hoạt động thương mại điện tử.

Chú trọng xây dựng và cung cấp các dịch vụ công phục vụ doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin; đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh; Triển khai sử dụng hệ thống dịch vụ chữ ký số, thực hiện nghĩa vụ công và khai thác dịch vụ công của các doanh nghiệp.

Xây dựng, phát triển Cổng thông tin điện tử doanh nghiệp tỉnh, các trang/cổng thông tin điện tử thành phần cho doanh nghiệp; phát triển thương mại điện tử, sàn giao dịch thương mại, mua bán trực tuyến và giao dịch thương thảo hợp đồng qua mạng, tuyên truyền quảng bá các hoạt động xúc tiến đầu tư.

3.4. Trong các lĩnh vực đời sống xã hội

Tích cực áp dụng và đổi mới phương pháp dạy học, trên cơ sở lấy công nghệ thông tin là công cụ, phương tiện phục vụ giảng dạy, đồng thời là một môn khoa học. Xây dựng phương án dạy và học môn tin học thích hợp với điều kiện cụ thể của các địa phương, các trường trong tỉnh, đặc biệt tại các trường dành cho con em đồng bào dân tộc thuộc 6 huyện vùng núi, vùng cao.

Ứng dụng thí điểm và mở rộng quy mô các chương trình hỗ trợ quản lý, giảng dạy trong mọi môn học và xây dựng các chương trình dạy học từ xa, các chương trình ôn tập và bổ sung kiến thức cho học sinh các cấp.

Xây dựng mạng thông tin y tế để hình thành hệ thống dịch vụ y tế phục vụ chăm sóc sức khỏe của người dân và kết nối thông tin giữa các bệnh viện. Xây dựng và nâng cấp hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về khám chữa bệnh, hệ thống cảnh báo dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng để cung cấp thông tin cho mạng thông tin y tế.

Xây dựng các ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, kết hợp công nghệ thông tin với công nghệ sinh học để phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn. Phát triển các trang thông tin điện tử khuyến nông, khuyến ngư, theo dõi rừng, theo dõi dự báo dịch hại trên cây trồng. Xây dựng và phát triển các cơ sở dữ liệu phục vụ sản xuất và kinh doanh nông, lâm nghiệp. Hướng dẫn, khuyến khích nông dân sử dụng giao dịch và thương mại điện tử.

4. Phát triển công nghiệp và dịch vụ công nghệ thông tin

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp và dịch vụ công nghệ thông tin trở thành ngành công nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu GRDP của tỉnh, góp phần đưa tỉnh Bắc Giang trở thành tỉnh công nghiệp, dịch vụ.

Phần đầu tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ công nghệ thông tin đóng góp vào GRDP của tỉnh năm 2020 đạt khoảng 4,1%. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp và dịch vụ công nghệ thông tin đến năm 2020 đạt khoảng 53.000 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 – 2020 đạt khoảng 27%/năm; đóng góp khoảng 31% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh.

Tập trung phát triển công nghiệp và dịch vụ công nghệ thông tin tại vùng động lực; ưu tiên phát triển công nghiệp phần mềm và nội dung thông tin số nhằm tận dụng lợi thế nguồn nhân lực và vị trí của tỉnh.

5. Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin

Tổ chức bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Nâng cao chất lượng nhân lực phụ trách quản lý, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin. Xây dựng cơ chế ưu đãi nhằm thu hút các nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia công nghệ thông tin và an toàn an ninh thông tin giỏi làm việc cho các cơ quan nhà nước.

Phát triển Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thực hiện tốt vai trò quản lý và vận hành ổn định hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và truyền thông của Ủy ban nhân dân tỉnh:

Sáp nhập các Trung tâm Công nghệ thông tin của các sở, ngành thành một Trung tâm Công nghệ thông tin mạnh của tỉnh để triển khai phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn tỉnh. Đảm bảo an toàn thông tin cho hạ tầng và các hệ thống thông tin Chính quyền điện tử.

6. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin

Đầu tư, nâng cấp các thiết bị, các giải pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin theo tiêu chuẩn quốc tế. Bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức quản lý có đủ khả năng, trình độ kỹ thuật phù hợp chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các hệ thống thông tin.

Xây dựng và hoàn thiện các môi trường pháp lý về an toàn thông tin trong hoạt động phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin. Trong đó, các cơ quan, đơn vị, tổ chức cần có một chính sách bảo mật thống nhất, mọi thành viên đều phải tuân thủ chính sách chung một cách đồng bộ. Đảm bảo khả năng truy vết và khôi phục thông tin trong trường hợp có sự cố. Thường xuyên phối hợp với cơ quan hữu quan và các tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn mạng cập nhật các biện pháp đảm bảo an ninh thông tin mới nhất.

V. Vốn đầu tư và danh mục dự án ưu tiên đầu tư

1. Nhu cầu và nguồn vốn thực hiện quy hoạch

- Nhu cầu vốn đầu tư: 700 tỷ đồng.

- Nguồn vốn:

+ Vốn ngân sách trung ương: 40 tỷ đồng

+ Vốn ngân sách tỉnh: 44,5 tỷ đồng

+ Vốn doanh nghiệp, hợp tác công tư, thuê dịch vụ: 615,5 tỷ đồng

2. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư đến năm 2020 (Phụ lục đính kèm)

VI. Giải pháp thực hiện

1. Giải pháp đột phá thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin

- Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin, thu hút, tuyển dụng nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao, kết hợp với đào tạo trực tiếp; xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù, hỗ trợ, ưu đãi về thu nhập cho cán bộ phụ trách về công nghệ thông tin, an toàn an ninh thông tin.

- Xây dựng chính sách ưu đãi cho người dân và doanh nghiệp ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; Đẩy mạnh triển khai hình thức thuê doanh nghiệp công nghệ thông tin thực hiện dịch vụ cho thuê từng phần hoặc thuê trọn gói. Thành lập Trung tâm Nghiên cứu phát triển phần mềm và ứng dụng công nghệ thông tin. sáp nhập các Trung tâm Công nghệ thông tin của các sở, ngành thành một Trung tâm Công nghệ thông tin mạnh của tỉnh để triển khai phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn tỉnh, phát triển Chính quyền điện tử, đảm bảo an toàn thông tin cho hạ tầng và các hệ thống thông tin Chính quyền điện tử.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công nghệ thông tin

- Nâng cao nhận thức về vai trò động lực của công nghệ thông tin trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của các cơ quan Đảng và Nhà nước. Nâng cao nhận thức về vai trò động lực công nghệ thông tin trong cộng đồng doanh nghiệp và trong mọi tầng lớp xã hội.

3. Huy động vốn đầu tư

- Huy động sử dụng các nguồn vốn ngân sách, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích, thuê dịch vụ, hợp tác công tư để thực hiện các dự án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Tích cực tranh thủ vốn từ ngân sách Trung ương chủ yếu đầu tư cho các dự án công nghệ thông tin then chốt, thực hiện đồng bộ các địa phương, triển khai theo các ngành dọc.

- Triển khai hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin từ các doanh nghiệp công nghệ thông tin, Triển khai đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) đối với các dự án ứng dụng phát triển Chính quyền điện tử, công dân điện tử và doanh nghiệp điện tử; các dự án cung cấp các dịch vụ có thu phí.

4. Xây dựng cơ chế chính sách

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách về thúc đẩy và hỗ trợ phát triển Chính quyền điện tử. Ban hành các chính sách có quy chế, quy định, quy trình trong việc sử dụng các ứng dụng dùng chung và chuyên ngành. Hoàn thiện các quy định về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh sử dụng chữ ký số trong các hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Xây dựng các chính sách về đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực công nghệ thông tin nhằm đẩy nhanh việc đào tạo, huấn luyện và sử dụng hợp lý nguồn nhân lực công nghệ thông tin. Cụ thể hoá chính sách mua sắm, sử dụng trang thiết bị và dịch vụ công nghệ thông tin của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

- Xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng lực sản xuất và cạnh tranh của các doanh nghiệp. Xây dựng chính sách khuyến khích xã hội ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng suất lao động; tăng tiện ích xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

5. Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin

- Phát triển các hình thức liên kết đào tạo; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ về công nghệ thông tin. Chú trọng đào tạo chuyên sâu về kỹ năng ứng dụng, sử dụng và khai thác có hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin.

- Tăng cường xã hội hóa công tác phổ cập tin học cho toàn xã hội. Triển khai có hiệu quả các chương trình đào tạo công dân điện tử phù hợp với từng mức độ, từng địa phương đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng Chính quyền điện tử của người dân và doanh nghiệp.

6. Thuê dịch vụ công nghệ thông tin

- Đẩy mạnh triển khai hình thức thuê doanh nghiệp công nghệ thông tin thực hiện dịch vụ cho thuê từng phần hoặc thuê trọn gói. Áp dụng hình thức thuê dịch vụ tập trung trong phạm vi của Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với các dịch vụ công nghệ thông tin có tính chất, tính năng giống nhau mà nhiều cơ quan, đơn vị cùng có nhu cầu sử dụng.

- Ưu tiên các doanh nghiệp, tổ chức mà trong đó các pháp nhân và thể nhân Việt Nam nắm quyền kiểm soát chi phối và nắm giữ cổ phần chi phối (đối với công ty cổ phần) hoặc nắm giữ phần vốn góp chi phối (đối với các loại hình doanh nghiệp khác) tham gia cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước.

7. Phát triển khoa học công nghệ

- Đẩy mạnh sử dụng công nghệ điện toán đám mây trong ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin. Hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin theo hướng

công nghệ hiện đại, băng thông rộng để đáp ứng nhu cầu triển khai dịch vụ, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông.

- Đầu tư nghiên cứu, phát triển một số sản phẩm phần mềm nguồn mở có hiệu quả kinh tế xã hội cao, đáp ứng được nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh.

8. Phát triển công nghiệp và dịch vụ công nghệ thông tin

- Xây dựng các chính sách kêu gọi vốn đầu tư trong và ngoài nước cho phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, đặc biệt là liên doanh liên kết phát triển phần cứng, khuyến khích phát triển phần mềm, cũng như các chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển công nghiệp công nghệ thông tin.

- Ưu tiên nguồn vốn khoa học công nghệ, nguồn vốn từ các chương trình quốc gia để thực hiện các nhiệm vụ, dự án phát triển các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin.

- Tăng cường năng lực sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin; nâng cao trình độ khai thác, sử dụng công nghệ thông tin của các cơ quan chính quyền, doanh nghiệp và người dân.

- Hỗ trợ đào tạo nhân lực công nghệ thông tin cho các doanh nghiệp; hỗ trợ nâng cao năng lực cho các tổ chức doanh nghiệp; hỗ trợ xúc tiến đầu tư, thương mại.

9. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin

- Ban hành quy chế nội bộ đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng các thiết bị, phương tiện kỹ thuật số có tính năng lưu trữ, trao đổi thông tin để phòng ngừa lộ, lọt thông tin qua mạng.

- Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn phù hợp để quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống thông tin mạng của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng, kỹ thuật; tăng cường sử dụng các phần mềm diệt virus và thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng nội bộ, máy tính tại cơ quan đơn vị. Kịp thời ngăn chặn, phòng chống và khắc phục nhanh các cuộc tấn công vào hệ thống

10. Tổ chức quản lý về công nghệ thông tin

- Tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo về công nghệ thông tin của tỉnh nhằm tham mưu thực hiện công tác đơn đốc, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn, đặc biệt là trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo công nghệ thông tin ở các cấp, các ngành.

- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước phải theo thứ tự ưu tiên dựa trên nhu cầu thực tế cần tăng năng suất lao động, bảo đảm tính hiệu quả, khả thi khi triển khai.

11. Hợp tác quốc tế và liên doanh liên kết


- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công nghệ thông tin gắn với các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, giáo dục và đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Thu hút đầu tư của các tập đoàn mạnh về công nghệ thông tin từ các nước có quan hệ hợp tác truyền thống với tỉnh như Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước ASEAN... Các trường Đại học, Cao đẳng, các cơ sở đào tạo có tiềm năng. Tranh thủ sự hỗ trợ, chia sẻ thông tin và tri thức, kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ của các tổ chức trong nước và quốc tế, các công ty đa quốc gia, các cơ sở nghiên cứu, các trung tâm tư vấn, các chuyên gia, đặc biệt là người Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 2. Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 là cơ sở cho việc quản lý, triển khai các dự án về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: 

- Như Điều 4;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Lưu: VT, VX 2.

Bản điện tử: -

- VP UBND tỉnh: LDVP, TKCT, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Nguyễn Thị Thu Hà



Phụ lục
ĐANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Nhu cầu vốn đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn
1	Nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu và hệ thống mạng máy tính trong các cơ quan nối mạng thông tin của Tỉnh ủy	20,0	Ngân sách tỉnh
2	Nâng cấp hệ thống thư điện tử	0,5	Ngân sách tỉnh
3	Nâng cấp, liên thông, tích hợp dữ liệu hệ thống quản lý văn bản và điều hành, triển khai sử dụng đến cấp xã	3,45	Thuê dịch vụ
4	Mở rộng hệ thống hội nghị giao ban trực tuyến cho một số sở và các huyện	1,35	Thuê dịch vụ
5	Xây dựng Cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ cao; nâng cấp cổng thông tin điện tử; xây dựng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	99,8	Ngân sách TW, Hợp tác công tư (PPP)
6	Xây dựng, nâng cấp các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý và tác nghiệp chuyên ngành	102,5	Ngân sách tỉnh, Hợp tác công tư (PPP)
7	Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu theo dõi các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội	18,0	Hợp tác công tư (PPP)
8	Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai – xây dựng	39,5	Hợp tác công tư (PPP)
9	Triển khai đồng bộ hệ thống một cửa điện tử liên thông tại các cơ quan nhà nước các cấp	1,1	Ngân sách tỉnh
10	Hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin tại các cơ quan nhà nước các cấp	10,8	Thuê dịch vụ
11	Kết nối mạng diện rộng của tỉnh	2,8	Thuê dịch vụ
12	Nâng cấp Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh	45	Ngân sách TW, ngân sách tỉnh
13	Đầu tư Hệ thống quản trị chữ ký số trong các cơ quan nhà nước	1,5	Thuê dịch vụ
14	Đào tạo cán bộ CIO cho các cơ quan, đơn vị sở, ban, ngành, huyện	0,5	Ngân sách tỉnh
15	Đào tạo tập trung cán bộ phụ trách; nâng cao trình độ công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức	4,9	Ngân sách tỉnh
16	Triển khai ứng dụng các chương trình quản lý giáo dục và các phần mềm giảng dạy tại các trường học các cấp	16,5	Hợp tác công tư (PPP)

STT	Danh mục dự án	Nhu cầu vốn đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn
17	Đầu tư phòng học công nghệ thông tin; trang bị máy tính, kết nối mạng LAN phục vụ quản lý và giảng dạy cho các trường từ trung học phổ thông đến tiểu học	64,9	Thuê dịch vụ
18	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý ngành Y tế	8,0	Hợp tác công tư (PPP)
19	Đầu tư trang bị máy tính, kết nối mạng LAN, Internet cho các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh	14,3	Thuê dịch vụ
20	Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong doanh nghiệp	140,0	Doanh nghiệp
21	Phát triển thương mại điện tử	3,5	Doanh nghiệp
22	Xây dựng hệ thống thông tin ứng dụng công nghệ thông tin trong nông nghiệp	3,5	Hợp tác công tư (PPP)
23	Xây dựng hệ thống tổng thể giao thông thông minh	98,0	Hợp tác công tư (PPP)
24	Phát triển công nghiệp phần cứng		Tùy thuộc vào quy mô thu hút đầu tư phát triển công nghiệp CNTT
25	Phát triển công nghiệp phần mềm và nội dung số		